

Bản án số: 05/2021/DS-PT
Ngày 23-3-2021
V/v tranh chấp lỗi đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân

Ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp lỗi đi chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số: 03/2021/QĐ-PT ngày 04-3-2021, giữa các đương sự:

1- Đồng nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L

Địa chỉ: Thôn QN, xã YT, huyện V, tỉnh Yên Bái;

- Anh Vũ Anh S và chị Nguyễn Thị Kiều O

Địa chỉ: Thôn 6 (Khe Bốn), xã YH, huyện V, tỉnh Yên Bái;

- Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H 1

- Bà Nguyễn Thị A

- Anh Nguyễn Văn L1 và chị Cao Thị N1
- Anh Nguyễn Văn L2 và chị Trần Thị N2
- Anh Lương Xuân N3 và chị Nguyễn Thị L3

Cùng địa chỉ: Thôn TT, xã YT, huyện V, tỉnh Yên Bái, các đồng nguyên đơn đều có mặt, riêng chị H1 và chị L3 vắng mặt;

2 - Đồng bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn D
- Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2

Cùng địa chỉ: Thôn TT, xã YT, huyện V, tỉnh Yên Bái, đều có mặt;

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo pháp luật : Ông Hà Đức A1- Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Trần Thống B - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Ủy ban nhân dân xã YT, huyện V, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo pháp luật : Ông Đoàn Mạnh C - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Tiên Th - Phó Chủ tịch, vắng mặt (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4 - Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn H 2

Địa chỉ: Thôn TT, xã YT, huyện V, tỉnh Yên Bái;

- Ông Nguyễn Văn Tr
- Ông Phạm Văn L 4
- Ông Nguyễn Văn H 3

Cùng địa chỉ: Thôn QN, xã YT, huyện V, tỉnh Yên Bái;

- Ông Trần Văn H4

Địa chỉ: Thôn 2, xã YT, huyện V, tỉnh Yên Bái

Những người làm chứng đều vắng mặt.

5 - Người kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L là đồng nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa các đồng nguyên đơn thống nhất trình bày: Năm 1996, ông Nguyễn Văn T đã xin đất chè của bà Nguyễn Thị A và đất trồng cọ của ông Nguyễn Văn H 2 để làm lối đi chung là 2,5m (Là lối đi chung hiện nay đang tranh chấp). Năm 2010, ông Nguyễn Văn D mua đất của ông Nguyễn Văn H 2 ở phía trên của lối đi chung của các đồng nguyên đơn và xin đất chè của bà Nguyễn Thị A để làm lối đi khai thác gỗ xuống đường (là lối đi chung đang tranh chấp hiện nay). Đến năm 2013, các đồng nguyên đơn cùng nhau góp tiền để mở rộng thêm đường khoảng 4m để ô tô đi vào được thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa. Năm 2013 ông D và anh Hoàng Văn X (con rể ông D) đã góp 100.000 đồng/người cho ông T để đi xe trâu đi qua lối đi chung đó. Đến năm 2017, ông D đòi lại ông T số tiền 200.000 đồng đó, gia đình ông T đã mang 200.000 đồng trả cho ông D. Năm 2018, con đường này đã bị xuống cấp nên các đồng nguyên đơn đã cùng nhau góp tiền để sửa chữa, nhưng gia đình ông D không tham gia cùng và tự mở một con đường khác để đi lại riêng. Khi ông D mở được con đường khác để đi lại riêng thì ông D đã lấp đất và dùng búi tre và cây cọ chắn xuống con đường đi chung của 07 hộ gia đình đồng nguyên đơn, gây cản trở nên các đồng nguyên đơn không có lối đi vào rừng để khai thác cây cối.

Ngày 18-02-2019, ông T đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện V. Tòa án đã thụ lý và đến ngày 02-8-2019, Tòa án nhân dân huyện V tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Kết quả như sau: Toàn bộ lối đi chung hiện nay đang tranh chấp đã nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là QSDĐ) số: CH00023 ngày 30-6-2010 của anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2 do Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện V cấp. Diện tích lối đi chung là 188m². Cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị A là: 5,04m;
- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T là: 2,04m + 22,90m + 12,44m + 5,90m = 43,28m;
- Phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn Đ là:
6,12m+8,38m+4,78m+4,47m+4,65m+3,64m+4,86m+4,20m=41,1m;

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết hai yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc ông D phải hót đất và dỡ bỏ rào bằng cây cọ để trả lại hiện trạng lối đi chung như ban đầu.
- Đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00023 ngày 30-6-2010 do UBND huyện V cấp cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2. Với lý do cấp chồng vào lối đi chung của các đồng nguyên đơn.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày : Năm 1993, gia đình ông được giao 3,5ha đất rừng . Khi nhận đất hoàn toàn không có đường đi và đường đi lỏi theo khe từ đường cái vào . Năm 2010, làm sổ mới ông chia đất cho các con là Nguyễn Thị E và Nguyễn Văn Đ vẫn chưa có đường đi mà đi theo khe . Đến năm 2013, mở đường cho ô tô đi , gia đình ông cho đất mở đường và chặt quế không phải bồi thường vào đất trong bờ đập nhà ông H . Ông T có hỏi mở thêm đường vào trong khe phụ nữ và nói người bỏ đất , người bỏ tiền nên ông cho mở đường để cả hai gia đình cùng đi . Mở đường xong ông và các con ông đóng thêm cho gia đình ông T 300.000 đồng. Đến năm 2014, con gái ông là E khai thác cây bị ông T cấm không cho đi . Đến năm 2016, ông tĩa 11 bó lá quế, xe vào bóc lá ông T không cho đi và bắt vác ra ngoài bờ đập nhà ông H . Do đó, ông đã chặt cọ lấp đường thì ông T làm đơn vào UBND xã YT, UBND xã đã hòa giải ngày 03-6-2016 và kết luận: Không bên nào được cấm và để đường đi chung , các bên tranh chấp đều nhất trí. Ngày 20-11-2018, gia đình ông khai thác quế ông T lại cấm không cho xe vào bóc nên ông đã làm đơn vào UBND xã xin mở đường trên đất nhà ông . UBND xã đã thành lập đoàn kiểm tra và xác minh , xác định là đất của anh Đ và gia đình ông được phép mở đường và lấy lại đoạn đường cũ . Bây giờ đất ai người ấy đi , không liên quan đến nhau . Nay các đồng nguyên đơn đề nghị ông phải hót đất và dỡ bỏ rào bằng cây cọ để trả lại hiện trạng lỏi đi chung như ban đầu . Diện tích lỏi đi chung là 188m², ông không nhất trí vì toàn bộ lỏi đi hiện nay đang tranh chấp nằm trên đất của gia đình ông.

Đồng bị đơn anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2 cùng thống nhất trình bày: Năm 2010, bố anh Đ là ông Nguyễn Văn D làm sổ mới chia đất cho hai vợ chồng anh chị . Khi đó vẫn chưa có đường đi và đường đi toàn bộ lỏi theo khe . Con đường đi vào trong khe phụ nữ là giữa lòng ao nhà ông T đắp lên bây giờ chứ không phải là con đường hiện nay đang tranh chấp . Năm 2013, gia đình ông T có hỏi ông D mở con đường mới để cùng nhau đi và nói người bỏ đất , người bỏ tiền và gia đình ông D không đồng ý. Năm 2014, chị gái anh Đ là chị E khai thác cây bị ông T cấm không cho đi . Năm 2016, ông D có tĩa cành quế , ông T không cho xe vào bóc và bắt vác ra ngoài , nên gia đình anh chị đã chặt cọ lấp đường. Ông T làm đơn vào UBND xã , được hòa giải ngày 03-6-2016 không bên nào được cấm và để đường đi chung , gia đình anh chị đồng ý . Nhưng đến ngày 20-11-2018, gia đình anh chị khai thác quế ông T lại cấm không cho xe vào bóc và đòi trả 500.000 đồng/chuyến. Gia đình anh chị không đồng ý nên bố anh đã làm đơn lên UBND xã xin mở đường trên đất của gia đình . Đến nay, các đồng nguyên đơn khởi kiện đề nghị hủy giấy cấp đất của anh chị, anh Đ và chị V2 không nhất trí.

Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan ông Trần Thông B trình bày: Về quá trình cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V2. Trên cơ sở xem xét hồ sơ , tài liệu lưu trữ do Chi nhánh Văn phòng đăng lý đất đai huyện V cung cấp và căn cứ các quy định của pháp luật về đất đai , UBND huyện V có ý kiến như sau : Về căn cứ pháp lý : Trình tự , thẩm quyền cấp giấy

chứng nhận QSDĐ cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2 được thực hiện theo đúng quy trình Luật Đất đai năm 2003.

Cơ sở thực tiễn: Thửa đất được trích đo thực tế tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSDĐ số : CH00023 cấp ngày 30-6-2010 với tổng diện tích 10.920m² là đất rừng sản xuất . Nguồn gốc sử dụng đất do UBND xã YT xác nhận . Việc đồng nguyên đơn đề nghị hủy giấy chứng nhận QSDĐ số : CH00023 ngày 30-6-2010 do UBND huyện V cấp cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2, UBND huyện V không nhất trí với lý do việc cấp đất được thực hiện đúng quy trình của Luật Đất đai năm 2003.

- Ông Nguyễn Tiến Th trình bày: UBND xã YT đã nhận đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn D . Quá trình giải quyết như sau :

Ngày 15-5-2016, UBND xã nhận được đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn T về tranh chấp lối đi chung với ông Nguyễn Văn D .

Ngày 16-5-2016, UBND xã chỉ đạo tổ hòa giải thôn bản tiến hành hòa giải thôn nhưng không thành .

Ngày 03-6-2016, Hội đồng hòa giải của xã ra quyết định hòa giải và đã hòa giải thành .

Ngày 16-11-2018, UBND xã nhận được đơn đề nghị của ông D về việc xin mở đường mới .

Ngày 23-11-2018, UBND xã yêu cầu ông D giữ nguyên hiện trạng đường đang tranh chấp và yêu cầu ông D và ông T thực hiện các nội dung đã thống nhất hòa giải theo biên bản hòa giải ngày 03-6-2016. Nhưng hai gia đình vẫn không hoà giải được tranh chấp.

Ngày 26-11-2018, UBND xã tiếp tục yêu cầu ông T và ông D thực hiện các nội dung đã thỏa thuận theo biên bản ngày 03-6-2016.

Ngày 30-11-2018, UBND xã tiếp tục nhận được đơn đề nghị của ông T đề nghị việc tranh chấp lối đi chung :

Ngày 15-12-2018, UBND xã tiếp tục thành lập hội đồng hòa giải để giải quyết. Ngày 25-12-2018, UBND xã tiến hành hòa giải nhưng không thành .

Ngày 28-8-2019, ông T tiếp tục làm đơn đề nghị UBND xã giải quyết về việc tranh chấp lối đi chung .

Ngày 15-10-2019 UBND xã chỉ đạo tổ hòa giải thôn cùng cán bộ chuyên môn hòa giải tại thôn nhưng không thành .

Ngày 08-11-2019, UBND xã ra quyết định thành lập Hội đồng hòa giải .

Ngày 02-12-2019, Hội đồng hòa giải tiếp tục hòa giải nhưng không thành .

Căn cứ bản đồ địa chính 672, tờ số 1 của UBND xã YT thì hiện trạng cấp sổ của hai gia đình ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Đ không thể hiện có lối đi

chung. Việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các hộ gia đình đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền quy định của Luật Đất đai năm 2003.

Về nguồn gốc sử dụng đất: UBND xã đã công khai nguồn gốc đất tại cơ sở các thôn, lấy chữ ký giáp ranh của các hộ trước khi xác nhận nguồn gốc đất gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để cấp giấy chứng nhận QSDĐ. UBND xã YT không nhất trí nội dung các đồng nguyên đơn đề nghị hủy giấy chứng nhận QSDĐ số: CH00023 cấp ngày 30-6-2010 do UBND huyện V cấp cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2. Lý do, việc cấp đất được thực hiện đúng quy trình của Luật Đất đai năm 2003.

Việc sử dụng lối đi chung của các hộ căn cứ vào nguồn gốc trước đây không có con đường đi qua phần đất có tranh chấp, các hộ đi lại vận chuyển gỗ, nứa, củi theo khe. Hiện nay, gia đình ông T đã đắp một con đập chắn ngang khe.

Việc hình thành con đường là lối đi chung hiện nay đang tranh chấp là do hai hộ ông Nguyễn Văn T và hộ ông Nguyễn Văn D tự thỏa thuận với nhau mở đường trên phần đất của gia đình ông D, cụ thể là đất của anh Đ con trai ông D được cấp.

Những người làm chứng trình bày, nội dung cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn H 2: Lối đi hiện nay đang tranh chấp giữa các đồng nguyên đơn gia đình ông T và đồng bị đơn gia đình ông D. Con đường có từ trước ông không biết từ khi nào, đường rất nhỏ ô tô không đi vào được. Sau đó ông T có xin ông đất để mở đường và xin vào thời gian nào ông không nhớ. Ông có cho ông T đất để mở đường rộng hơn, ô tô đi vào được. Hiện nay con đường đó đang tranh chấp như thế nào ông không biết nên không có ý kiến gì về con đường đang tranh chấp. Nay ông đã 89 tuổi rồi nên không nhớ gì nữa.

- Ông Nguyễn Văn Tr : Ông Tr và gia đình ông D chỉ là hàng xóm với nhau, không có mâu thuẫn gì. Ông Tr là chú họ của ông T và cũng không có mâu thuẫn gì với gia đình ông T. Ông sống tại thôn Đồng Bát (cũ) nay là thôn TT, xã YT, huyện V từ năm 1964 cho đến nay. Lối đi hiện nay gia đình ông T và gia đình ông D đang tranh chấp, trước năm 2013 là không có chỉ có 01 lối đi nhỏ theo khe nước gần lối đi hiện nay đang tranh chấp.

- Ông Phạm Văn L 4: Ông L4 và gia đình ông T, gia đình ông D là hàng xóm, người cùng xã không có mâu thuẫn gì. Lối đi hiện nay đang tranh chấp giữa 02 gia đình, từ trước kia là không có nên các hộ dân đều đi lại dưới lòng khe. Từ khi gia đình ông D vào trong đó ở mới mở con đường rộng lên, con đường đó chính là con đường hiện nay đang tranh chấp.

- Ông Nguyễn Văn H 3: Ông H3 là em trai của ông T. Ông sống ở xã YT, huyện V từ năm 1967 cho đến nay. Lối đi hiện nay gia đình ông T và gia đình ông D đang tranh chấp có từ xưa (Từ khi ông 15 tuổi) đi thả trâu đã có một lối đi nhỏ là đường mòn phía ngoài rộng 3 đến 4m, đoạn giữa rộng khoảng 1m nay chính là lối đi đang tranh chấp.

- Ông Trần Văn H 4: Khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2010, ông H4 là cán bộ thú y của xã . Từ năm 2000 đến năm 2002 trong lán thôn Đồng Bát (cũ) nay là thôn TT lúc bấy giờ có nuôi gia cầm nên ông có đi vào khu vực trong đó để tiêm phòng. Lối đi hiện nay, đang xảy ra tranh chấp giữa hai gia đình ông T và ông D là không có, đường đi vào chỉ là khe nước . Vì vậy, khi vào trong đó không đi xe máy được mà phải đi bộ theo khe mới vào được .

Tại bản án số: 06/2020/DS-ST ngày 10-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đã áp dụng : Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L; ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H 1; bà Nguyễn Thị A; anh Vũ Anh S và chị Nguyễn Thị Kiều O; anh Nguyễn Văn L1 và chị Cao Thị N1; anh Nguyễn Văn L 2 và chị Trần Thị N 2; anh Lương Xuân N3 và chị Nguyễn Thị L3 về việc yêu cầu:

- Ông Nguyễn Văn D phải hót đất và dỡ bỏ rào bằng cây cọc để trả lại cho các đồng nguyên đơn hiện trạng lối đi chung như ban đầu . Diện tích lối đi chung là $188m^2$. Cụ thể như sau : Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị A là: 5,04m; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T là: $2,04m + 22,90m + 12,44m + 5,90m = 43,28m$; phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn Đ là: $6,12m + 8,38m + 4,78m + 4,47m + 4,65m + 3,64m + 4,86m + 4,20m = 41,1m$.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L; ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H 1; bà Nguyễn Thị A; anh Vũ Anh S và chị Nguyễn Thị Kiều O; anh Nguyễn Văn L1 và chị Cao Thị N1; anh Nguyễn Văn L 2 và chị Trần Thị N 2; Anh Lương Xuân N3 và chị Nguyễn Thị L3 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số : CH00023 ngày 30-6-2010 do UBND huyện V cấp cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo luật định.

Ngày 23-12-2020, đồng nguyên đơn ông T và bà L kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Đ phải trả lại lối đi cho 07 hộ gia đình và hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho anh Đ vì đã cấp chồng lên lối đi chung của 07 hộ gia đình nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng nguyên đơn ông T và bà L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; đồng bị đơn ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của đồng nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện

đúng các quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn ông T và bà L; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp lối đi chung”. Diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ và có tranh chấp quyền sở hữu nên các đồng nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân huyện V đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đồng nguyên đơn, đồng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án. Trong vụ án còn có ông Trần Văn H4 trú tại thôn 2, xã YT, huyện V, tỉnh Yên Bái là người biết rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là thiếu sót. Tuy nhiên, thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung và quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

Đơn kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L nộp trong thời hạn, đúng theo quy định của pháp luật và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận để xem xét.

[3]. Về nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1]. Về nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm:

Đây là vụ án tranh chấp về lối đi chung. Các bên đương sự đồng nguyên đơn và đồng bị đơn sử dụng đất đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các đồng nguyên đơn đều cho rằng thực tế có tồn tại một con đường rộng 2,5m là lối đi chung từ năm 1996, hiện nay đang tranh chấp. Đến năm 2013, các hộ dân cùng nhau góp tiền mở rộng con đường khoảng 4m để ô tô đi được, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa. Năm 2018, do con đường này đã bị xuống cấp nên các đồng nguyên đơn đã cùng nhau góp tiền để sửa chữa, nhưng gia đình ông D không tham gia mà tự mở một con đường khác để đi lại riêng. Khi ông D mở đường đi riêng, ông D đã lấp đất, dùng búi che và cây cọ chắn xuống con đường đi chung của 07 hộ gia đình đồng nguyên đơn; gây cản trở việc đi lại và làm cho các đồng nguyên đơn không có lối đi vào rừng để khai thác cây cối, dẫn đến xảy ra tranh chấp. Tranh chấp này đã được UBND xã YT, huyện V hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Về nguồn gốc đất: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án, đại diện chính quyền địa phương và những người dân sống lâu năm tại xã Y T, huyện V đều xác định lối đi chung hiện nay đang tranh chấp giữa đồng nguyên đơn và đồng bị đơn trước kia là không có, chỉ có một khe nước gần lối đi hiện nay đang tranh chấp. Trước kia, người dân vẫn đi lại vào rừng theo khe nước đó (gọi là khe Phụ nữ), khe nước này rất nhỏ và hiện nay gia đình ông T đã đắp một con đập chắn ngang khe.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2: Trên cơ sở xem xét hồ sơ, tài liệu lưu trữ do Chi nhánh Văn phòng đăng lý đất đai huyện V cung cấp và căn cứ các quy định của pháp luật về đất đai, UBND V khẳng định về căn cứ pháp lý: Trình tự, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2 được thực hiện theo đúng quy trình Luật Đất đai năm 2003.

Về cơ sở thực tiễn: Thửa đất được trích đo thực tế tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: CH00023 cấp ngày 30-6-2010 với tổng diện tích 10.920m² là đất rừng sản xuất. Nguồn gốc sử dụng đất do UBND xã YT xác nhận.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện lối đi chung hiện nay đang tranh chấp có diện tích là 188m². Cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị A là: 5,04m; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T là: 2,04m + 22,90m + 12,44m + 5,90m = 43,28m; phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn Đ là: 6,12m + 8,38m + 4,78m + 4,47m + 4,65m + 3,64m + 4,86m + 4,20m = 41,1m.

Lối đi hiện nay đang tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của hộ gia đình ông T mà nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình ông D (là anh Đông và chị V 2).

Như vậy, việc tồn tại một lối đi chung có từ trước như lời khai của đồng nguyên đơn là không đúng thực tế. Quá trình giải quyết vụ án, đồng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh có xác nhận của chính quyền địa phương là lối đi hiện nay đang tranh chấp đã có từ lâu. Từ những căn cứ thực tế nêu trên, đủ cơ sở khẳng định không có sự tồn tại, hiện hữu của con đường mòn là lối đi chung hiện đang tranh chấp, đã được các hộ gia đình sử dụng ổn định, lâu dài, liên tục từ năm 1996 cho đến nay.

Từ những nội dung trên, thấy rằng Toà án nhân dân huyện V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc buộc đồng bị đơn ông D phải hút đất và dỡ bỏ rào bằng cây cọc để trả lại cho các đồng nguyên đơn hiện trạng lối đi chung như ban đầu có diện tích 188m² là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn ông T, bà L đưa ra cho rằng: Phần diện tích đất có tranh chấp 188m² là lối đi chung của 07 hộ gia đình đồng nguyên đơn. Việc UBND huyện V cấp đất cho anh Đ, chị V2 đã cấp chồng lên lối đi chung này. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo ông T, bà L và các đồng nguyên đơn

không xuất trình được chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên yêu cầu này của người kháng cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L không được chấp nhận nên các đồng nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 10-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L ; ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H1; bà Nguyễn Thị A ; anh Vũ Anh S và chị Nguyễn Thị Kiều O ; anh Nguyễn Văn L1 và chị Cao Thị N1; anh Nguyễn Văn L 2 và chị Trần Thị N 2; anh Lương Xuân N3 và chị Nguyễn Thị L3 về việc yêu cầu:

- Ông Nguyễn Văn D phải hót đất và dỡ bỏ rào bằng cây cọc để trả lại cho các đồng nguyên đơn hiện trạng lối đi chung như ban đầu . Diện tích lối đi chung là 188m². Cụ thể như sau : Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị A là: 5,04m; phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T là: 2,04m + 22,90m + 12,44m + 5,90m = 43,28m; phía Tây giáp đất anh Nguyễn Văn Đ là: 6,12m + 8,38m + 4,78m + 4,47m + 4,65m + 3,64m + 4,86m + 4,20m = 41,1m.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L ; ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H 1; bà Nguyễn Thị A ; anh Vũ Anh S và chị Nguyễn Thị Kiều O ; anh Nguyễn Văn L1 và chị Cao Thị N1; anh Nguyễn Văn L 2 và chị Trần Thị N 2; anh Lương Xuân N3 và chị Nguyễn Thị L3 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số : CH00023 ngày 30-6-2010 do UBND huyện V cấp cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Lương Thị Thúy V 2.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đồng nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai số: AA/2017/0003558 ngày 07-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Các đồng nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số: AA/2017/0005411 ngày 29-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS H. V;
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ, TA, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Lan

